

BÀN THÊM VỀ NGUỒN GỐC CỦA TÔN GIÁO

NGUYỄN HOÀI SANH^(*)

1. Khi nghiên cứu về tôn giáo, việc chỉ ra nguồn gốc của hiện tượng xã hội đặc biệt này là hết sức quan trọng. Điều đó chỉ ra lập trường, quan điểm của người nghiên cứu. Quan trọng hơn, nó góp phần làm rõ bản chất của tôn giáo đồng thời giúp chúng ta có thể đoán định về tương lai tồn tại, xu hướng phát triển của nó trong tương lai cũng như việc đưa ra các giải pháp quan trọng của chính quyền đối với tôn giáo.

Về vấn đề này, trong lịch sử triết học đã có nhiều quan điểm khác nhau. Kế thừa và phát triển các quan điểm triết học duy vật, nhất là của L. Phoiơbắc, đứng trên quan điểm duy vật lịch sử, các tác gia kinh điển của Chủ nghĩa Mác-Lênin đã có sự luận giải về nguồn gốc đích thực của tôn giáo một cách khoa học.

Khi phê phán L. Phoiơbắc, Mác đã đồng tình với luận điểm hết sức nổi tiếng của ông: *con người sáng tạo ra tôn giáo*, đồng thời cũng chỉ ra những hạn chế của luận điểm này. Đó chính là L. Phoiơbắc đã xem xét con người một cách cô lập, tách rời khỏi những quan hệ xã hội, xem con người là một cái gì đó trừu tượng tách biệt khỏi thế giới con người, tách biệt khỏi xã hội. Mác lưu ý rằng con người là sản phẩm của xã hội và thế giới con người; chính con người ấy với những đặc điểm, hoàn cảnh, điều kiện xã hội cụ thể đã sản sinh ra tôn giáo. Bởi lẽ, nếu tách con người khỏi các điều kiện đó, tại

sao phải rất lâu sau khi xuất hiện con người trên trái đất, các quan niệm tôn giáo mới được tạo ra. “Theo Mác, cái xã hội sản sinh ra tôn giáo không phải là một xã hội trừu tượng, mà là một xã hội cụ thể thuộc về một hình thái nhất định trong lịch sử”⁽¹⁾. Như vậy, theo Mác, cái cơ sở trần tục của tôn giáo là một xã hội cụ thể của con người với một kết cấu vô cùng phức tạp các yếu tố liên quan đến đời sống vật chất và tinh thần của con người. Trong đó, theo Ph. Ăngghen yếu tố đóng vai trò quyết định sự tồn tại của tôn giáo là phương thức sản xuất. Ông viết: “Cái luận điểm cho rằng ‘phương thức sản xuất vật chất quyết định quá trình sinh hoạt xã hội chính trị và tinh thần nói chung’, rằng chỉ khi nào hiểu được những điều kiện sinh hoạt vật chất của mỗi thời đại tương ứng, khi nào tất cả những cái khác đều được rút ra từ những điều kiện vật chất ấy thì mới có thể hiểu được tất cả các quan hệ xã hội và quốc gia, tất cả các hệ thống tôn giáo và pháp luật, tất cả các quan điểm lí luận đã xuất hiện trong lịch sử”⁽²⁾. “Cơ cấu kinh tế của xã hội luôn luôn là cái cơ sở hiện thực mà xét đến cùng ta phải dựa vào mới giải thích được tất cả thượng

*. ThS., Đại học Hà Tĩnh.

1. Nguyễn Đức Sự (chủ biên). *C. Mác và Ph. Ăngghen về vấn đề tôn giáo*, Nxb. KHXH, 1999, tr. 22.

2. C. Mác - Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, tập 13, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 606 - 607.

tầng kiến trúc là chế độ pháp quyền và chế độ chính trị cũng như quan niệm tôn giáo triết học và các quan niệm khác của mỗi thời kì lịch sử nhất định⁽³⁾.

Các ông cho rằng sự xuất hiện và tồn tại của tôn giáo xuất phát từ hiện thực khách quan và nguồn gốc quan trọng của tôn giáo chính là điều kiện kinh tế - xã hội. Ăngghen cho rằng: “Trong những thời kì đầu của lịch sử chính những lực lượng thiên nhiên là những cái trước tiên được phản ánh như thế, và trong quá trình phát triển hơn nữa thì ở những dân tộc khác nhau, những lực lượng thiên nhiên ấy đã được nhân cách hóa một cách hết sức nhiều vẻ và hết sức hỗn tạp... Nhưng chẳng bao lâu, bên cạnh những lực lượng thiên nhiên lại còn có cả những lực lượng xã hội tác động - những lực lượng này đối lập với con người, một cách cũng xa lạ lúc đầu cũng không thể hiểu được đối với họ, và cũng thống trị họ với cái vẻ tất yếu bề ngoài giống như bản thân những lực lượng tự nhiên vậy”⁽⁴⁾.

Lênin cũng đã khẳng định: “Sự bất lực của giai cấp bị bóc lột trong cuộc đấu tranh chống bọn bóc lột tất nhiên đẻ ra lòng tin vào cuộc đời tốt đẹp ở thế giới bên kia, cũng giống y như sự bất lực của người đã man trong cuộc đấu tranh chống thiên nhiên đẻ ra lòng tin vào thần thánh, ma quỷ và những phép màu”⁽⁵⁾.

Như vậy, với Mác và Ăngghen, “chính những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội, những sự biến của lịch sử là nhân tố quyết định sự ra đời và tồn tại của tôn giáo”⁽⁶⁾. Nhưng các ông không bao giờ xem nhân tố kinh tế là nhân tố quyết định duy nhất đối với sự phát triển của lịch sử. Để giải thích cho điều này, và cũng là để chống lại các quan điểm chống đối cho rằng hai ông đã tuyệt đối

hóa yếu tố kinh tế, trong thư gửi Joseph Block, Ăngghen đã viết: “Theo quan điểm duy vật lịch sử, nhân tố quyết định trong lịch sử xét đến cùng là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực. Cả Mác và tôi chưa bao giờ khẳng định điều gì hơn thế...”⁽⁷⁾. Hai ông cũng chưa bao giờ nói rằng đó là nguyên nhân duy nhất nảy sinh tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Trong tác phẩm *Chống Duyrinh*, Ph. Ăngghen đã đưa ra định nghĩa về tôn giáo: “Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc con người - của những lực lượng bên ngoài đang chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó, những lực lượng ở trần thế đã mang những hình thức siêu trần thế. Trong những thời kì đầu của lịch sử, chính những lực lượng thiên nhiên là những cái trước tiên được phản ánh như thế, và trong quá trình phát triển hơn nữa thì ở những dân tộc khác nhau, những lực lượng thiên nhiên ấy đã được nhân cách hóa một cách hết sức nhiều vẻ và hết sức hỗn tạp”⁽⁸⁾. Trong định nghĩa này, Ph. Ăngghen đã chỉ ra bản chất của tôn giáo, qua đó gián tiếp nói đến một nguồn gốc quan trọng khác của tôn giáo, đó chính là nguồn gốc nhận thức. Tôn giáo là “sự phản ánh”, nhưng không phải là sự phản ánh nói chung của các kết cấu vật chất mà là của bộ óc con người. Kết quả phản ánh, trình độ phản ánh dĩ nhiên gắn liền

3. C. Mác - Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, tập 19, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 303.

4. C. Mác - Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, tập 20, tr. 437 - 438.

5. V. I. Lênin. *Toàn tập*, Sdd., tập 12, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, tr. 169-170.

6. Nguyễn Đức Sự. Sdd, tr. 25.

7. C. Mác - Ph. Ăngghen. *Tuyển tập*, tập 4, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1984, tr. 276.

8. C. Mác - Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 437.

với trình độ, khả năng nhận thức của con người.

Từ định nghĩa trên, chúng ta thấy, với các tác gia kinh điển Chủ nghĩa Mác - Lênin, tôn giáo không phải là sản phẩm nội sinh, là thuộc tính vốn có trong ý thức của con người mà nó là kết quả của sự phản ánh đặc biệt của con người, sự phản ánh theo phương thức riêng (hư ảo, phi lí tính). Thừa nhận đặc tính này cũng có nghĩa cho rằng tôn giáo có nguồn gốc nhận thức. Nói con người sáng tạo ra tôn giáo, chính là con người bằng khả năng nhận thức, bằng khả năng tư duy trừu tượng, tưởng tượng của mình đã tạo ra các biểu tượng tôn giáo từ việc thần thánh hóa các biểu tượng của chính mình và của đời sống. Trên thực tế, phải là những cộng đồng người có tư duy trừu tượng, tư duy lí luận phát triển sớm mới sáng tạo ra được các học thuyết tôn giáo lớn, có sức sống và tầm ảnh hưởng mạnh mẽ trên phạm vi rộng lớn. Các học thuyết tôn giáo, xét ở một khía cạnh khác chính là các học thuyết tư tưởng, là tập hợp hệ thống các quan điểm về thế giới, về con người, về sự sống, cái chết, v.v... Hệ thống tư tưởng đó chỉ được sáng tạo ra, chỉ được nảy sinh trên những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định khi nhận thức, tư duy con người đã phát triển khá cao.

Thực ra, ngay từ thời cổ đại, nguồn gốc nhận thức của tôn giáo đã được bàn đến. Một số nhà triết học duy vật cho rằng, sự ngu dốt nảy sinh ra tôn giáo. Luyxơrêtiuyt (99-55 tr.CN), một nhà tư tưởng xuất sắc La Mã cổ đại, người theo xu hướng nguyên tử luận của Lơxíp và Đêmôcrit đã luận đoán nguồn gốc của tôn giáo là do lòng sợ sệt của người nguyên thủy dốt nát đứng trước những lực lượng khủng khiếp của tự nhiên, là

sự sai lầm khi giải thích những giấc mơ, và là sự thiếu hiểu biết về nguyên nhân tự nhiên của vạn vật. Ông cũng cho rằng, những hình ảnh về thần thánh là do trí tưởng tượng của con người đẻ ra.

Khi bàn về nguồn gốc nhận thức của tôn giáo, người ta bàn đến đầu tiên khả năng nhận thức của con người, cho rằng chính do nhận thức còn hết sức thấp kém, còn “ngu dốt” nên con người nguyên thủy đã không thể lí giải được các hiện tượng tự nhiên và đã gán cho các hiện tượng đó yếu tố siêu tự nhiên, thần bí. Thực ra, sự “ngu dốt”, tự thân nó không sản sinh ra cái gì hết. Tức là, sự không hiểu biết không là nguyên nhân nảy sinh tôn giáo mà chính xác là sự hiểu biết không đúng đắn, không hiểu được bản chất hiện tượng, chỉ nắm được cái biểu hiện bên ngoài dẫn tới sự “phản ánh” sai lạc bản chất hiện thực. Điều đó chứng minh vì sao tôn giáo không xuất hiện cùng con người mà chỉ đến khi xuất hiện con người thông minh mới bắt đầu nảy sinh các quan niệm tôn giáo. Tương tự như thế, một đứa trẻ mới sinh ra hoàn toàn chưa có các ý niệm về tôn giáo.

Yếu tố nhận thức với tư cách là nguồn gốc nảy sinh các quan niệm tôn giáo diễn ra theo một quá trình phức tạp. Đây là những lí giải hết sức quan trọng của Lênin. Ông đã nhìn thấy tính phức tạp, mâu thuẫn ngay trong chính quá trình nhận thức của con người: “Nhận thức của con người không phải là một đường thẳng, mà là một đường cong đi gần vô hạn đến một loạt những vòng tròn, đến một vòng xoáy ốc. Bất cứ đoạn nào, khúc nào, mảnh nào của đường cong ấy cũng có thể chuyển hóa (chuyển hóa một cách phiến diện) thành một đường thẳng độc lập, đầy đủ, đường thẳng này (nếu chỉ

thấy cây không thấy rừng) sẽ dẫn đến vùng bùn, đến chủ nghĩa thấy tu (ở đây nó sẽ bị lợi ích của các giai cấp thống trị *cũng cố* lại). Tính đường thẳng và phiến diện, sự chết cứng và cứng nhắc, chủ nghĩa chủ quan và sự mù quáng chủ quan là những nguồn gốc về nhận thức luận của chủ nghĩa duy tâm. Và chủ nghĩa thấy tu (= chủ nghĩa duy tâm triết học) đương nhiên có những nguồn gốc về *nhận thức luận*, nó không phải là không có cơ sở; không còn nghi ngờ gì nữa, đó là một *đóa hoa không kết quả*, nhưng là một *đóa hoa không kết quả* mọc trên cái cây sống của nhận thức sinh động, phong phú, chân thực, khỏe mạnh, toàn năng, khách quan, tuyệt đối của con người⁹. Như vậy, Lênin cho rằng khả năng xuất hiện tôn giáo và chủ nghĩa duy tâm nằm ngay trong biện chứng của quá trình nhận thức. Nhận thức của con người là một quá trình bao gồm nhiều nấc thang từ trực quan sinh động đến quá trình phân tích, tổng hợp của tư duy trừu tượng. Quá trình đó bao hàm trong nó cái khả năng có thể xa rời thực tế. Và chủ nghĩa duy tâm nhiều khi chỉ do tuyệt đối hóa, thổi phồng quá một mặt, một thuộc tính của một sự vật mà thôi. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc giải thích sự tồn tại của tôn giáo, nhất là trong bối cảnh xã hội hiện đại, khi nhận thức của con người đã đến một trình độ rất cao, khi khoa học công nghệ do con người sáng tạo ra đã giúp con người lí giải các hiện tượng tự nhiên và chinh phục nó phục vụ cho mục đích của con người. Nhưng tính phức tạp ở đây nữa là, dường như khi con người đạt được một bước tiến về nhận thức thế giới, cũng là lúc con người nhận ra rằng, thế giới là vô cùng, vô tận là luôn biến đổi khôn lường. Sự phát triển nhận thức của

con người giúp con người nhận thức, lí giải được nhiều thứ nhưng cũng giúp con người nhận thức ra rằng, trước cái thế giới đó, con người, nhận thức của con người là hữu hạn.

Việc phát hiện ra khả năng nảy sinh những quan niệm duy tâm tôn giáo ngay trong biện chứng của quá trình nhận thức là một đóng góp quan trọng của Lênin khi nghiên cứu về nguồn gốc tôn giáo. Điều này góp phần hoàn thiện quan điểm của Chủ nghĩa Mác về nguồn gốc của tôn giáo. Việc chỉ ra nguồn gốc nhận thức cũng góp phần lí giải vì sao phải mất quá trình tiến hóa rất lâu dài, xã hội con người mới xuất hiện tôn giáo; và vì sao tôn giáo có sức sống mạnh mẽ, cho dù khoa học kĩ thuật, cho dù đời sống con người đã có nhiều đổi thay theo hướng tích cực.

3. Ngoài hai nguồn gốc trên, không thể không bàn đến nguồn gốc tâm lí của tôn giáo. Trước hết, là tâm lí sợ hãi - vốn là một thuộc tính cố hữu của con người. Trong đó, nỗi sợ hãi cái chết vẫn ám ảnh con người một cách thường trực. Ngoài những vấn đề *sinh, lão, bệnh, tử* vốn gắn liền với số phận con người bất kể thời đại nào, xã hội hiện đại bên cạnh những thành tựu to lớn mà con người đã đạt được, rủi ro dường như cũng lớn hơn, thử thách nhiều hơn, nguy cơ nhiều hơn và thường trực hơn. Vì thế, tâm lí sợ hãi hoàn toàn không giảm bớt, mà trái lại.

Mặt khác, con người do có nhận thức phát triển nên là loài động vật luôn cảm thấy mình yếu đuối. Nhận thức phát triển giúp con người có sức mạnh để chinh phục thế giới, cải tạo thế giới nhưng cũng giúp con người nhận thức ra

9. Lênin. *Toàn tập*, tập 29, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1979, tr. 385-386.

là con người yếu đuối, nhỏ bé mong manh. Con người đã sáng tạo ra bom nguyên tử, đã đưa người vào không gian, đã sáng tạo ra internet và vô số thành tựu quan trọng về khoa học, công nghệ. Nhưng chỉ một chủng virus lạ vô cùng nhỏ bé cũng khiến nhân loại hoảng sợ; chỉ một cái quấy mình của vũ trụ cũng khiến cả một vùng đất đai rộng lớn, dân cư đông đúc bị xóa sổ; đó là chưa kể sau tất cả những thành tựu mà con người đã đạt được, vẫn còn đó nạn đói thường trực đối với cả tỉ người; còn cái ác, cái xấu, và cả những cái rủi ro do chính sự phát triển của con người mang lại dường như ngày càng nhiều lên.

Về quy luật tâm lí, người ta sẽ không có cảm giác sợ hãi nếu người ta không biết. Nói theo kiểu dân gian đó là *diết không sợ súng*; nói cách khác, đó chính là không có kinh nghiệm. Người ta thường không có cảm giác về cái mà người ta không hề biết. Nhưng con người thì ngày lại càng có nhiều kinh nghiệm bởi sự khám phá thế giới ngày được rộng mở, vì thế tâm lí sợ hãi dường như ngày càng nhiều thêm. Sự sợ hãi dẫn tới lo âu, đau buồn, tuyệt vọng... và tất yếu con người tự an ủi mình bằng các biểu tượng thần thánh do họ sáng tạo ra nhằm thỏa mãn nhu cầu của mình.

Ngoài ra, cảm giác vui sướng, thỏa mãn; lòng ngưỡng mộ, hạnh phúc, v.v..., tóm lại là các cảm giác tích cực cũng đưa con người đến với tôn giáo. Đó chính là tình cảm mong muốn duy trì, kéo dài những cảm giác tích cực, thỏa mãn. Trên thực tế, chính những người có nhiều may mắn, có địa vị xã hội, có cuộc sống gia đình sung sướng, hạnh phúc cũng gửi gắm niềm tin vào tôn giáo; thậm chí họ thuộc các đối tượng tích cực nhất trong việc thực hành các hành vi tín ngưỡng,

tôn giáo. Họ đã có nhiều thứ, vì thế họ có nhiều cái để mất. Ở đây tâm lí đến với tôn giáo mang nặng màu sắc thực dụng.

4. Như vậy, dù không trực tiếp bàn về nguồn gốc ra đời tôn giáo, nhưng bằng các luận điểm của mình nêu trong nhiều tác phẩm, các nhà sáng lập Chủ nghĩa Mác - Lênin đã khẳng định tôn giáo không nằm ngoài thế giới vật chất, không vốn có trong ý thức con người. Tôn giáo là một hiện tượng xã hội xuất hiện gắn liền với những nguồn gốc kinh tế-xã hội, nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc tâm lí.

Chúng tôi cho rằng, các nguồn gốc của tôn giáo có quan hệ mật thiết với nhau, và xét đến cùng đều xuất phát từ khả năng nhận thức của con người. Chính ở giai đoạn đầu của nhân loại, khi nhận thức con người chưa phát triển đã là nguyên nhân trực tiếp của tình trạng đời sống kinh tế-xã hội thấp kém. Do nhận thức chưa phát triển nên con người chưa lí giải được các hiện tượng của giới tự nhiên, chưa nắm được quy luật tác động, quy luật phát triển chung của xã hội. Điều đó làm cho con người cảm thấy yếu đuối, bất lực, nhỏ bé và tất nhiên dẫn tới nhu cầu tìm kiếm sự an ủi, che chở của các lực lượng mà con người cho là có sức mạnh siêu nhiên chi phối cuộc sống của họ. Khi con người có nhận thức cao, làm chủ được phần nào giới tự nhiên, con người sẽ tự tin hơn với năng lực bản thân và tâm lí sợ hãi sẽ vì thế mà phần nào được chế ngự.

Tôn giáo đã có quá trình tồn tại, phát triển lâu dài cùng với nhân loại. Sự ra đời của tôn giáo, như đã chỉ ra ở trên có những nguyên nhân nhất định. Những nguyên nhân đó gắn liền với con người, xã hội con người và nó vẫn còn tồn tại, vì thế tôn giáo chắc chắn vẫn còn đồng hành cùng nhân loại trong tương lai./.